

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 145 /TLĐ

V/v: Giải quyết các trường hợp  
vướng mắc về TNLĐ, BNN trước  
năm 1995

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Căn cứ kết luận tại hội nghị liên ngành ngày 07 tháng 9 năm 2012 về việc giải quyết các trường hợp vướng mắc về hồ sơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trước năm 1995 (sau đây viết tắt là TNLĐ, BNN), ngày 07 tháng 12 năm 2012, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã ban hành Quyết định số 1582 QĐ/TLĐ thành lập tổ giúp liên ngành việc gồm đại diện Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Tổng Liên đoàn để xem xét, thẩm định các hồ sơ vướng mắc về TNLĐ, BNN do các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành trực thuộc trung ương tập hợp gửi về theo công văn số 1319/TLĐ ngày 15/8/2011 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Trên cơ sở 75 hồ sơ nhận được và ý kiến thẩm định của Tổ giúp việc liên ngành, Tổng Liên đoàn báo cáo kết quả và đề xuất phương án giải quyết các trường hợp vướng mắc như sau:

1. Có 03 trường hợp (mục I Phụ lục 12) đã được giải quyết hưởng trợ cấp tai nạn lao động: Tổng Liên đoàn sẽ thông báo về LĐLĐ tỉnh Đắk Lắk và Công đoàn Đường sắt biết, trả hồ sơ về cho người lao động.

2. Có 24 trường hợp (mục II Phụ lục 12) đang hưởng trợ cấp mất sức lao động (MSLĐ) hàng tháng: Đề nghị Bộ Lao động-TB&XH hướng dẫn trả lời cho người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Có 25 trường hợp Tổng Công đoàn (cũ) đã chứng nhận là TNLĐ, BNN (mục III Phụ lục 12) nhưng hồ sơ không đầy đủ. Trong đó, có 12 trường hợp đang hưởng lương hưu; 10 trường hợp không có tên trong phần mềm quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và 03 trường hợp chưa kiểm tra trên phần mềm quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Tổng Liên đoàn gửi danh sách về Bộ nghiên

09958462

cứu, cho ý kiến giải quyết đối với 25 trường hợp cụ thể này và các trường hợp tương tự phát sinh sau này.

**4. Có 07 hồ sơ người lao động đã chết (mục IV Phụ lục 12) và 16 trường hợp TNLĐ, BNN trước năm 1995 chưa được giám định thương tật hoặc chưa được xem xét giải quyết TNLĐ, BNN (mục V Phụ lục 12):** đề nghị Bộ Lao động - TB&XH cho ý kiến giải quyết.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam báo cáo và gửi danh sách trích ngang các trường hợp vướng mắc về TNLĐ, BNN trước năm 1995, kính đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo để giải quyết dứt điểm những vướng mắc nêu trên.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các đ/c TT ĐCT (đề b/c);
- Lưu VT, Ban QHLD.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Đức Chính

**DANH SÁCH TỔNG HỢP VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT**  
*Những trường hợp vướng mắc hồ sơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng trước năm 1995*

T T	Họ và tên	Năm sinh	Địa phương	Chế độ	Mức suy giảm	Hồ sơ	Ý kiến Tổ thẩm định
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>I. Đối với 03 trường hợp đã được giải quyết hưởng trợ cấp TNLĐ: Trả lời để NLĐ biết</b>							
1.	Nguyễn Văn Thân	1936 (nam)	Đắk Lắk	TNLĐ	31%	1. QĐ 198/QĐ-TV-LHCD cấp sổ trợ cấp 2. QĐ cấp thẻ trợ cấp thương tật số 3208 3. Giấy ra viện, Bệnh án, 4. BB hợp v/v TNLĐ 5. Phúc tra TNLĐ năm 2007	TLĐ trả hồ sơ cho NLĐ
2.	Tiêu Văn Thành	1960 (nam)	Đường Sắt	TNLĐ	Hạng 4	1. Giấy chứng nhận thương tật 48B-71 năm 1992	TLĐ trả hồ sơ cho NLĐ
3.	Nguyễn Hoành Trung	1958 (nam)	Đường Sắt	TNLĐ	Hạng 4	1. Giấy chứng nhận thương tật 48B-58 năm 1992	TLĐ trả hồ sơ cho NLĐ





II. Đối với 24 trường hợp đang hưởng trợ cấp MSLĐ:							
4.	Bùi Đình Chiêu (Bùi Vĩnh Chiêu)  Số hồ sơ MSLĐ 88940, tỷ lệ 44% từ ngày 1/12/1978	1942 1945?  (nam)	Hà Tĩnh	TNLD	40%	1. CV116/LDLĐ ngày 28/6/2010 (bản gốc) 2. Giấy chứng nhận thời gian công tác và thương tật tại đơn vị cũ tháng 3/2010 (bản gốc) 3. BB lập lại TNLD do đơn vị lập tháng 3 2010 (bản gốc) 4. Sổ trợ cấp thương tật số 001492 (bản sao)	Bộ Lao động – TB&XH trả lời cho NLĐ
5.	Nguyễn Văn An  Nghỉ mất sức từ 1989	1947  (nam)	Đường Sắt	TNLD	21%  Hạng 4	1. CV 35/-ĐSVLP ngày 15/10/2011(bản gốc) 2. Đơn khiếu nại (photo) 3. Phiếu chứng nhận lương hưu và trợ cấp (bản sao) 4. QĐ 114/QĐ/BHXH ngày 17/12/1993 về trợ cấp hàng tháng do TNLD (bản sao) 5. Phiếu lĩnh trợ cấp TNLD 48B-114 năm 1993 (bản sao) 6. Quyết định số 061 của Tổng cục Đường sắt v/v tuyển dụng biên chế chính thức (bản sao)	Bộ Lao động – TB&XH trả lời cho NLĐ
6.	Nguyễn Văn Chí  Đã được giải quyết MSLĐ 1991	1954  (nam)	Vĩnh Phúc	TNLD	41%  Hạng 3/4	1. CV 276/LDLĐ ngày 31/10/2011(bản gốc) 2. Giấy chứng nhận thương tật số 23/TNLD ngày 18/8/1986 của hội đồng giám định y khoa tỉnh Vĩnh Phú (bản sao) 3. Giấy chứng nhận thương tật	Bộ Lao động – TB&XH trả lời cho NLĐ

						<p>TNLD số 1767 của TCD (bản sao)</p> <p>4. Quyết định 65 v/v trợ cấp TNLD ngày 10/8/1987 (bản sao)</p> <p>5. Quyết định 68 v/v trợ cấp TNLD ngày 20/12/1987 (bản sao)</p> <p>6. CV 63/BHXH ngày 4/9/1988 của LHCD Vĩnh Phú điều chỉnh trợ cấp thương tật TNLD (bản sao)</p> <p>7. Đơn đề nghị</p>	
7.	Trịnh Thị Mơ	1948 (nữ)	Thanh Hóa	TNLD	21% Hạng 4	<p>1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLD (bản gốc)</p> <p>2. Đơn xin hưởng trợ cấp</p> <p>3. Giấy chứng nhận thương tật và Phiếu lĩnh trợ cấp số 24179 năm 1988 (bản sao)</p>	<p>Trong đơn viết hưởng MSLĐ từ 1989 và bị cắt TNLD.</p> <p>Bộ Lao động - TB&amp;XH trả lời cho NLĐ</p>
8.	Trịnh Thị Hải	1957 (nữ)	Thanh Hóa	TNLD	21% Hạng 4	<p>1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLD (bản gốc)</p> <p>2. Đơn xin hưởng trợ cấp</p> <p>3. Giấy chứng nhận thương tật và Phiếu lĩnh trợ cấp số 24398 năm 1993 (bản sao)</p>	<p>Bộ Lao động - TB&amp;XH trả lời cho NLĐ</p>
9.	Nguyễn Văn Sơn	1958 (nam)	Thanh Hóa	TNLD	21% Hạng 4	<p>1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLD (bản gốc)</p>	<p>Trong đơn viết được hưởng TNLD tháng</p>

						<p>2. Đơn xin hưởng trợ cấp</p> <p>3. Giấy chứng nhận thương tật số 24-400 năm 1993 (bản sao)</p> <p>4. Giấy xếp hạng thương tật TNLĐ số 37/GĐYK ngày 2/5/1993 (bản sao)</p> <p>5. Quyết định số 378/QĐ-BHXH ngày 25/6/1993 cấp sổ TNLĐ số 24-400 (bản sao)</p>	<p>6/1993 nhưng do xí nghiệp giải tán nên giải quyết hưởng MSLĐ từ năm 1993 theo QĐ 236/HĐBT</p>
10.	Hồ Hiến Vinh	1954 (nam)	Thanh Hóa	TNLĐ	Hạng 4	<p>1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLĐ (bản gốc)</p> <p>2. Đơn xin hưởng trợ cấp</p> <p>3. Quyết định 379/QĐ-BHXH ngày 25/6/1993 cấp sổ TNLĐ số 24-401 (bản sao)</p> <p>4. Giấy xếp hạng thương tật số 38/GĐYK ngày 2/6/1993 HĐYK Thanh Hóa (bản sao)</p> <p>5. Phiếu lĩnh trợ cấp TNLĐ số 24-401 (bản sao)</p>	<p>Trong đơn viết hưởng TNLĐ từ 01/6/1993. Do cơ chế chuyển đổi các xí nghiệp giải thể nên được giải quyết MSLĐ từ T9/1993 (thời gian quy đổi 25 năm 6 tháng)</p>
11.	Lê Hữu Hòe	1946 (nam)	Thanh Hóa	TNLĐ	45%	<p>1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLĐ (bản gốc)</p> <p>2. Đơn xin hưởng trợ cấp</p> <p>3. Giấy chứng nhận thương tật 2460 năm 1987 (bản sao)</p> <p>4. Giấy xếp hạng thương tật số 25/GĐYK năm 1982 của HĐYK Thanh Hóa (bản sao)</p>	<p>Trong đơn viết đang hưởng trợ cấp MSLĐ (thời gian 18 năm 11 tháng).</p>

12.	Nguyễn Thị Vân	1950 (nữ)	Thanh Hóa	TNLĐ	16%	1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLĐ (bản gốc) 2. Sơ yếu lý lịch (bản sao) 3. Giấy xếp hạng thương tật ngày 27/3/1982 của HĐYK Thanh Hóa tỷ lệ 16%	Không có đơn, <b>Không đủ ĐK hưởng TNLĐ hàng tháng.</b>
13.	Mai Văn Huệ	1948 (nam)	Thanh Hóa	TNLĐ	41%	1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLĐ (bản gốc) 2. Đơn đề nghị (có xác nhận của địa phương) 3. Đơn xin xác nhận bị TNLĐ (có xác nhận của đơn vị cũ) (bản gốc) 4. Giấy chứng nhận thương tật số 24-180 năm 1986 (photo) 5. Quyết định 43/QĐ-BHXH ngày 29/10/1986 cho hưởng trợ cấp TNLĐ thường xuyên từ 1/11/1985 (photo) 6. Quyết định số 4/QĐ ngày 28/2/1991 nghỉ hưởng MSLĐ từ 1/5/1991 (photo)	Trong đơn viết đang hưởng MSLĐ từ năm 1991
14.	Nguyễn Hữu Thông	1956 (nam)	Thanh Hóa	TNLĐ	51%	1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLĐ (bản gốc) 2. Đơn xin hưởng trợ cấp 3. Giấy chứng nhận thương tật số 48-330 năm 1990 (bản sao) 4. Giấy xếp hạng thương tật số	Xí nghiệp giải quyết nghỉ MSLĐ năm 1991



						53/GĐYK ngày 01/11/1989 (bản sao) 5. Quyết định số 330/QĐ-BHXH ngày 5/4/1990 trợ cấp TNLĐ hàng tháng (photo)	
15.	Nguyễn Văn Long	1953 (nam)	Thanh Hóa	TNLĐ	71%	1. Tờ trình 34/TTr-LĐLĐ ngày 1/12/2011 của LĐLĐ tỉnh đề nghị gq TNLĐ (bản gốc) 2. Đơn xin hưởng trợ cấp 3. Biên bản điều tra TNLĐ ngày 18/8/ko rõ năm (photo) 4. QĐ06TC QĐ ngày 01/6/1984 về nghỉ hưởng MSLĐ từ 1/7/1984 (photo) 5. Giấy xếp hạng thương tật số 18 tháng 5/1982 (photo)	MSLĐ từ 1/7/1984
16.	Bùi Thị Thanh	1961 (nữ)	Ninh Bình	TNLĐ	41%	1.CV 191/LĐLĐ ngày 14/11/2011 (bản gốc) 2. Đơn xin hưởng trợ cấp (có xác nhận Sở Công Thương Ninh Bình) (gốc) 3. BB điều tra TNLĐ (bản sao) 4. Giấy chứng nhận nghỉ ốm đau, TS, TNLĐ (photo) 5. Giấy ra viện, bệnh án (bản sao) 6. BB số 62/GĐYK năm 1992 tỷ lệ 41% (bản sao) 7. Giấy chứng nhận thương tật 23-470 (bản sao) 8. Giấy chứng nhận thương tật	BHVN tìm thấy trên phần mềm đang hưởng MSLĐ



						31/5/1990 (bản sao)	
17.	Nguyễn Thị Tú	1946	Bà Rịa VT	TNLD	Hạng 4 21%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn kiến nghị</li> <li>2. Phiếu điều chỉnh trợ cấp MSLĐ (bản gốc)</li> <li>3. Bị thương trong chiến tranh năm 1972. Đến 1993 mới đi GDYK và được cấp Giấy chứng nhận thương tật và Phiếu lĩnh trợ cấp 47-386 năm 1993 (bản sao)</li> <li>4. Quyết định trợ cấp số 294 (bản sao)</li> <li>5. BB GD 49/GDYK (bản sao)</li> <li>6. BB Điều tra TNLD (photo)</li> </ol>	Hồ sơ nêu đang hưởng MSLĐ từ năm 1983. Nay xin hưởng TNLD và tính lại trợ cấp MSLĐ
18.	Trần Đắc Dũng	1948 (nam)	Đường Sắt	TNLD	62% Hạng 4	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV 317/CĐĐS ngày 5/10/2012</li> <li>2. Đơn xin trợ cấp</li> <li>3. Giấy chứng nhận thương tật 48B-18 năm 1990 (bản sao)</li> <li>4. BB GĐTĐ số 15/GDYK ngày 30/6/1990 (bản sao)</li> <li>5. BB Điều tra TNLD (Bản sao)</li> </ol>	BHVN tìm thấy trên phần mềm đang hưởng MSLĐ
19.	Nguyễn Văn Vui	1950 (nam)	TT Huế	TNLD	35%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV 182/LĐLĐ TT Huế</li> <li>2. Thư nhờ tìm hồ sơ</li> <li>3. Quyết định 312/BHXH-CĐ ngày 10/2/1982 về cấp sổ thương tật (photo)</li> <li>4. BB 55/GDYT (photo)</li> <li>5. BB điều tra TNLD (photo)</li> <li>6. BB GD thương tật (photo)</li> </ol>	BHVN tìm thấy trên phần mềm đang hưởng MSLĐ

20.	Vũ Xuân Hợp	1953 (nam)	Nam Định	TNLD	31%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV284 LĐLĐ Nam Định (bản gốc)</li> <li>2. CV 947/BHXX Nam Định gửi LĐLĐ (photo)</li> <li>3. BB xác minh việc giải quyết TNLD 31/10/2011 (photo)</li> <li>4. Giấy chứng nhận thương tật 23-20 (photo)</li> <li>5. QĐ 20/QĐ-BHXX ngày 8/10/1992 cấp sổ trợ cấp (photo)</li> <li>6. BB điều tra TNLD 1992 (bản photo)</li> <li>7. BB GĐYK số 64 (photo)</li> <li>8. Giấy ra viện (photo)</li> </ol>	BHVN tìm thấy trên phần mềm đang hưởng MSLĐ từ tháng 12/1992
21.	Trần Xuân Nhất	1956 (nam)	Điện Biên/ Thái Bình	TNLD	45%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sổ trợ cấp 004363 (bản sao)</li> <li>2. Bản xác nhận chưa hưởng chế độ gì (bản gốc)</li> <li>3. Tôm tắt lý lịch (có chứng nhận địa phương)</li> <li>4. CV389 Sở LĐ Thái Bình (bản sao)</li> <li>5. CV376/ /BHXX Điện Biên 9/9/2008 và (bản sao)</li> <li>6. CV53/BHXX Điện Biên ngày 20/1/2010 (bản sao)</li> <li>7. CV2265/BHXX 13/7/2009 trả lời TLĐ (bản sao)</li> <li>8. CV845/TLĐ ngày 2/6/2009 gửi BHXHVN (bản sao)</li> <li>9. BB Phúc tra TNLD 2008</li> </ol>	BHVN tìm thấy đang hưởng MSLĐ từ 7/2008, số sổ : 0197007896 nhưng NLĐ vẫn trả lời là không được hưởng chế độ gì ? Xác minh lại đang hưởng chế độ gì để trả lời cho NLĐ.

						(photo) 10. CV120/LĐLĐ tỉnh ĐB	
22.	Nguyễn Văn Hiếu Số hồ sơ MSLĐ 656022	1954 (nam)	Hà Tĩnh	TNLD	31%	1. CV184/LĐLĐ Hà Tĩnh kèm danh sách TNLD trước 1995 (bản gốc) 2. BB xét giải quyết tòn đong TNLD (photo) 3. Đơn của NLD (có xác nhận địa phương) 4. Biên bản TNLD lập lại năm 2008 (bản gốc) 5. CV2218 của BHVN ngày 25/6/2007 (photo) 6.. BB giám định thương tật 1993 (bản sao) 7. BB TNLD 1991 (bản sao) 8. BB đề nghị giám định 1996 (bản sao) 9. Giấy ra viện, bệnh án (photo) 10. Tổng hợp DS 12/9/2012	Tổng hợp DS của LĐLĐ Hà Tĩnh có nêu ông Hiếu đang hưởng MSLĐ với tỷ lệ 47% kể từ ngày 01/11/1993.
23.	Trần Văn Thung Số hồ sơ MSLĐ 656596	1948 (nam)	Hà Tĩnh	TNLD	41%	1. CV 58/LĐLĐ ngày 10/5/08 (photo) 2. BB Điều tra lại TNLD di đơn vị cũ lập ngày 16/7/2007 (photo) 3. CV 895/BHXH-CĐCS ngày 27/9/2007 BHXH tỉnh gửi LĐLĐ tỉnh (photo) 4. BB Giám định khả năng lao động 1216/GĐYK tháng 4/1992 (photo)	Tổng hợp danh sách của LĐLĐ Hà Tĩnh ngày 12/9/2012 có nêu đang hưởng MSLĐ với tỷ lệ 51% kể từ ngày 01/5/1994.

						<p>5. Quyết định nghỉ hưu số 202/của UBND xã Cẩm Xuyên từ 1/6/1992 (photo)</p> <p>6. Biên bản xét giải quyết tòng động theo 908/TLĐ do liên ngành: LĐLĐ, Sở LĐ và BHXH tỉnh lập 18/4/2008 (photo)</p>	
24.	Hoàng Duy Khoa (Hoàng Đức Mao)	1948 (nam)	Thanh Hóa	TNLD	52%	<p>1. Đơn đề nghị giải quyết chế độ TNLD 08/3/2006 (bản gốc)</p> <p>2. CV Số 38/LTS-TC ngày 04/3/2006 và CV09/LTS-CD của Lâm trường Sim xác nhận mất biên bản TNLD gốc (bản gốc)</p> <p>3. 02 Giấy làm chứng TNLD (bản gốc)</p> <p>4. BB GDYK số 328 ngày 05/8/1976 của HĐYK Thanh Hóa (photo)</p> <p>5. Bệnh án (bản sao) và giấy ra viện (bản gốc)</p>	<p>CV của Lâm trường Sim nêu năm 1974 sức khỏe giảm sút đã giải quyết hưởng MSLĐ.</p> <p>- Chưa được TCD chứng nhận thương tật</p>
25.	Nguyễn Cao Quyền	1947	Lai Châu	TNLD	32%	<p>1. Đơn xin trợ cấp TNLD (gốc)</p> <p>2. QĐ 37 QĐ/TT ngày 19/11/83 v/v cấp sổ trợ cấp thương tật (bản sao)</p> <p>3. BB điều tra TNLD 13/7/1970 (bản sao)</p> <p>4. Sổ trợ cấp TT số 005708 (bản sao)</p> <p>5. Được giải quyết TNLD từ</p>	<p>Trong đơn ông Quyền nêu trước đây được 2 chế độ MSLĐ và TNLD nhưng bị cắt TNLD từ năm 1997</p>



						năm 1983, bị cắt TNLĐ từ năm 1997	
26.	Lê Khắc Thắng	1960 (nam)	Nghệ An	TNLĐ	21%	<p>1. CV 170/LĐLĐ Nghệ An ngày 05/8/2008 (gốc)</p> <p>2. CV 305/BHXH-CĐCS ngày 25/4/2008 và 599/BHXH-CĐCS ngày 10/3/2008 của BHXH tỉnh về thiếu BB TNLĐ (photo)</p> <p>3. CV 1143/TBLSNCC của Sở LĐTBXH gửi BHXH tỉnh (photo)</p> <p>4. Giấy chứng nhận TNLĐ 25-256 (photo)</p> <p>5. QĐ 260 QĐ/LĐ của LĐLĐ chuyển trợ cấp MSLĐ vì TNLĐ từ LĐLĐ sang Sở LĐ Nghệ An từ 30/12/1991 (photo)</p> <p>6. QĐ 24/LĐTBXH ngày 12/12/1992 trợ cấp MSLĐ vì TNLĐ của Sở LĐ Nghệ Tĩnh (photo)</p> <p>7. BB Giám định TT 43/GĐYK ngày 19/9/1988 (photo)</p> <p>8. Quyết định trợ cấp TNLĐ (photo nhìn không rõ)</p> <p>9. Đơn của NLĐ (photo)</p>	<p>- CV1143 của Sở LĐ nêu trả trợ cấp thương binh từ 1995 sai nên bị cắt từ 5/2007</p> <p>- BHXH Nghệ An trả lời năm 2008 là thiếu BB TNLĐ không đủ cơ sở giải quyết TNLĐ.</p> <p>Đề nghị giải quyết hưởng MSLĐ.</p>

27.	Đỗ Văn Rộng Số 300146	1936 (nam)	Vĩnh Phúc	TNLD	Chưa GĐ	<p>1. CV 276/LĐLĐ của LĐLĐ Vĩnh Phúc (photo)</p> <p>2. Đơn đề nghị của NLĐ (gốc)</p> <p>3. QĐ 60 tuyển dụng ngày 20/9/1985 (bản sao)</p> <p>4. BB TBLĐ năm 1977(bản sao)</p> <p>5. Đơn đề nghị (gốc)</p> <p>6. Giấy xác nhận 68/2003/GC của Đơn vị cũ (photo)</p> <p>7. Giấy xác nhận số 36/TCCB-TTTS ngày 07/7/2003 của Trung Tâm Thủy sản Vĩnh Phúc đình chi hưởng MSLĐ từ 01/2/1988 , chỉ công nhận hưởng trợ cấp một lần, có bị TNLD 12/7/1977 nhưng Công ty chưa giải quyết TNLD</p> <p>8. Sổ trợ cấp MSLĐ số 300146 (bản sao)</p> <p>Thôi việc hưởng MSLĐ 47% từ 1987 và bị cắt từ 01/2/1988 do đi tù.</p>	<p>- Đây là vụ TNLD đã xảy ra từ năm 1977 (chỉ có BB tai nạn lao động ngày 12/7/1977); mặt khác, trường hợp Ô Rộng phức tạp do đã có đơn khiếu nại về TGCT.</p> <p>Đề nghị cung cấp tài liệu theo CV số 54/CV-ĐĐT ngày 24/8/2010 của Đoàn điều tra TNLD tỉnh Vĩnh Phúc để xem xét.</p>
<b>III. Đối với 25 trường hợp có một trong các giấy chứng nhận TNLD, BNN của Tổng Công đoàn (cũ) cấp</b>							
<b>a) 12 trường hợp đang nghỉ hưu, có tên trong phần mềm của BHVN: Rà soát nếu chưa tính % trợ cấp thương tật vào lương hưu thì giải quyết TNLD, BNN theo quy định:</b>							
28.	Vũ Tế Hào 4896011545	1945 (nam)	Lạng Sơn	TNLD	38%	<p>1. CV 95/LĐLĐ của LĐLĐ tỉnh Lạng Sơn (gốc)</p> <p>2. BB phúc tra TNLD của LĐLĐ Lạng Sơn năm 2011</p>	- Bổ sung hồ sơ hưu trí (bao gồm Bản quá trình đóng

						<p>(gốc)</p> <p>3. Sổ trợ cấp 003719 (bản sao)</p> <p>4. CV 410 ngày 04/8/2011 của BHXH Lạng Sơn trả lời không có tên trong sổ bàn giao giữa LĐLĐ tỉnh và BHXH tỉnh (photo)</p> <p>5. CV 107/BHXH và 669/BHXH của BH tỉnh (photo)</p> <p>6. QĐ hưởng hưu trí số 251 của BHXH Long An (bản sao)</p> <p>7. Giấy xác nhận 12/GXN-PCLS của Công ty Điện lực Lạng Sơn (photo)</p>	<p>BHXH) để tham khảo về TGCT của ông Hào tại Lạng Sơn và khi chuyển vào Nam.</p> <p>- Bổ sung xác nhận của BHXH TP. HCM v/v đang chi trả lương hưu.</p> <p>- Đ/n xem xét giải quyết</p>
29.	<u>Nguyễn Văn Sương</u> (Xương)	1943 (nam)	Lạng Sơn	TNLD	31%	<p>1. CV 420/CV-LĐLĐ Lạng Sơn ngày 31/10/2011 (gốc)</p> <p>2. Đơn đề nghị (photo)</p> <p>3. Giấy chứng nhận thương tật số 1212 năm 1988 (photo)</p> <p>4. Phiếu điều chỉnh lương hưu (photo)</p> <p>5. BB bàn giao tài chính BHXH của LĐLĐ tỉnh sang BHXH Lạng Sơn ngày 01/11/1995 (photo)</p>	<p>- Bổ sung bộ hồ sơ hưu trí (bao gồm Bản quá trình đóng BHXH) để tham khảo thêm về TGCT của ông Sương.</p> <p>- Bổ sung xác nhận của BHXH tỉnh v/v đang chi trả lương hưu.</p> <p>- Đ/n xem xét giải quyết.</p>

30.	Đỗ Tiến Tường Số sổ hưu hàng tháng 282491	1939	Nam Định	BNN	31%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phiếu theo dõi lĩnh lương hưu và Sổ trợ cấp hưu trí (bản sao)</li> <li>2. BB giám định khả năng lao động số 664 (photo)</li> <li>3. Phiếu cá nhân (photo)</li> <li>4. Sổ trợ cấp bệnh nghề nghiệp (bản sao) năm 1983</li> <li>5. QĐ cấp sổ trợ cấp BNN năm 1983 (bản sao)</li> <li>6. BB giám định khả năng lao động</li> </ol>	<p>- Bổ sung BB xác minh của LĐLĐ tỉnh về lý do Ô. Tường gián đoạn hưởng t/c BNN</p> <p>- Đ/n xem xét giải quyết.</p>
31.	Nguyễn Duy Hồ	1948 (nam)		TNLĐ	Hạng 4 31%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn xin hưởng trợ cấp (gốc)</li> <li>2. Giấy báo mất sổ trợ cấp năm 1992 (bản sao)</li> <li>3. Giấy chứng nhận thương tật TNLĐ số 25-139 năm 1988 (bản sao)</li> </ol>	<p>- Bị mất sổ trợ cấp nên bị ngừng hưởng 1991</p> <p>- Đề nghị làm rõ trường hợp mất hồ sơ TNLĐ của ông Hồ, và kiểm tra Công đoàn ngành có lưu hồ sơ TNLĐ của ông Hồ không?</p>



32.	<u>Phan Xuân Trường</u>	1950 (nam)	Nghệ An	TNLD	31% Hạng 2	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV124/LĐLĐ Nghệ An (gốc)</li> <li>2. Đơn xin trợ cấp (photo)</li> <li>3. Quyết định hưởng lương hưu (photo)</li> <li>4. Giấy xác nhận thương tật của đơn vị cũ (photo)</li> <li>5. QĐ 375/QĐ-LH hưởng trợ cấp thương tật năm 1979 (photo)</li> <li>6. Phiếu lĩnh trợ cấp (bản sao)</li> <li>7. BB giám định 3732 (photo)</li> <li>8. Phiếu điều chỉnh lương hưu (photo)</li> <li>9. CV 3189 của BHXH VN năm 2008 trả lời thiếu BB Điều tra TNLD</li> </ol>	- Đ/n xem xét giải quyết hưởng TNLD
33.	<u>Trần Thị Liên</u>	1956 (nữ)	Hà Tĩnh	TNLD	31%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn xin hưởng TNLD có xác nhận của UBND phường (photo)</li> <li>2. CV104/LĐLĐ tỉnh Hà Tĩnh (photo)</li> <li>3. BB TNLD do LĐLĐ Hà Tĩnh và Thanh tra Sở Lao động lập lại năm 2008 (bản gốc)</li> <li>4. BB điều tra TNLD của đơn vị cũ (photo)</li> <li>5. GCN thương tật số 25-105 và Phiếu trợ cấp (photo)</li> </ol>	- Kiểm tra, xác minh làm rõ quá trình hưởng trợ cấp TNLD, thời điểm ngừng hưởng, lý do ngừng?.. - Đ/n xem xét giải quyết
34.	<u>Bùi Xuân Bách</u>	1937 (nam)	Hà Tĩnh	TNLD	42%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV129/LĐLĐ Hà Tĩnh (gốc)</li> <li>2. CV189/LĐLĐ Hà Tĩnh gửi BHVN (gốc)</li> <li>3. CV 2225/ BHVN gửi BHHà Tĩnh (photo)</li> </ol>	Đã có BB TNLD tự khai và xác minh của CA Thanh Hóa.

						<p>4. Đơn của NLD (gốc)</p> <p>5. Sổ thương tật 000917</p> <p>6. QĐ 20/LĐTBXH năm 1993 trợ cấp MSLĐ vì TNLĐ (bản sao)</p> <p>7. QĐ 49/QĐ/LĐ của LĐLĐ trả hồ sơ về Sở LĐTBXH (bản sao)</p> <p>8. Giấy xếp hạng Tật 292 (photo)</p> <p>9. QĐ trợ cấp TNLĐ hàng tháng năm 1974 (photo)</p> <p>10. Quyết định trả trợ cấp hưu trí (photo)</p> <p>11. Sổ trợ cấp số 006917 (photo)</p> <p>12. Giấy tự khai TNLĐ có xác nhận của CA Thị xã Thanh Hóa năm.1973</p>	<p>Đề nghị giải quyết hưởng TNLĐ.</p>
35.	<u>Quàng Văn Lao</u>	1935 (nam)	Sơn La	TNLĐ	35%	<p>1. CV1790/LĐLĐ Sơn La (gốc)</p> <p>2. BB 1613/BB-LĐLĐ xác minh lại TNLĐ (bản gốc)</p> <p>3. Đơn đề nghị của NLD (photo)</p> <p>4. BB TNLĐ 1976 (photo)</p> <p>5. BB giám định Y khoa 164/YK (photo)</p> <p>6. QĐ số 21 về cấp sổ trợ cấp thương tật TNLĐ (photo)</p> <p>7. Sổ trợ cấp TNLĐ 000705 (bản sao)</p>	<p>- Xác minh làm rõ trường hợp TNLĐ ở chân hay tay?</p> <p>- Đủ ĐK giải quyết chế độ TNLĐ cho ông Quàng Văn Lao</p>

36.	Nguyễn Văn Chức	1955 (nam)	Thái Nguyên	BNN	41%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV 215/LĐLĐ Thái Nguyên (gốc)</li> <li>2. Đơn của NLĐ (photo)</li> <li>3. BB giám định BNN năm 1993 (photo)</li> <li>4. QĐ trợ cấp BNN hàng tháng (photo)</li> <li>5. GCN bệnh nghề nghiệp số 47-691 năm 1993 (photo)</li> </ol>	- Kiểm tra, xác minh làm rõ lý do vì sao chưa được hưởng chế độ? Có phải do bị mất trí nhớ chưa làm thủ tục nhận trợ cấp BNN như đơn NLĐ nêu?
37.	Nguyễn Thanh Nam	1957 (nam)	Đường Sắt	TNLD	57% Hạng 4	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV 51/CĐ Đường sắt VN (gốc)</li> <li>2. Giấy chứng nhận thương tật 48-17 năm 1987 (bản sao)</li> <li>3. Đơn của NLĐ (gốc)</li> <li>4. Phiếu điều chỉnh trợ cấp TNLD của BHXH Bình Định năm 1997 do tăng từ 32% lên 51% (bản sao)</li> <li>5. QĐ 21/CĐ GTVTVN cấp số TNLD hàng tháng năm 1987(photo)</li> <li>6. QĐ 399/NSTL của Công ty cũ trả trợ cấp thương tật TNLD (bản sao)</li> <li>7. BB Giám định thương tật (photo)</li> </ol>	- Làm rõ tỷ lệ thương tật 32% (vĩnh viễn), 57% hay 51% - Kiểm tra, xác minh làm rõ quá trình hưởng trợ cấp TNLD, thời điểm ngừng hưởng, lý do,..
38.	Trần Quang Huy	1940 (nam)	Bắc Giang	TNLD	45%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn của NLĐ (gốc)</li> <li>2. Giấy chứng nhận thương tật số 18-03 năm 1987(bản sao)</li> </ol>	Bổ sung hồ sơ và đ/n xem xét

						3. Phiếu lĩnh trợ cấp (bản sao)	hưởng TNLĐ
39.	Nguyễn Hồng Hải	1953 (nam)	Đường sắt	TNLĐ	48b-60	1. Đơn của NLĐ (gốc) 2. CV 106/BC-CĐVDKHN đơn vị gửi CĐ Đường Sắt VN Trong đơn NLĐ khai được cấp GCN số 48b-60. Nay thất lạc hồ sơ không còn giấy tờ gì	- Xác minh, bổ sung hồ sơ và đ/n xem xét giải quyết
b) Đối với 10 trường hợp không có tên trong phần mềm quản lý của BHVN và 03 hồ sơ gửi sau chưa kiểm tra trên phần mềm BHVN: kiểm tra hồ sơ, đủ điều kiện thì giải quyết trợ cấp TNLĐ, BNN							
40.	Nguyễn Đức Chiêu	1954 (nam)	Gia Lai, Cao su	TNLĐ		1. CV 78/CĐMY của Cty Cao su MangYang (gốc) 2. CV 421/CĐCS gửi DS trường hợp tổn động TNLĐ trước 1995 có tên ông Chiêu nhưng không kèm hồ sơ gì (gốc)	- Bị đi tù trước 1/1995, đề nghị có văn bản của UBND tỉnh; - Bổ sung hồ sơ theo quy định và đ/n xem xét giải quyết.
41.	Bùi Thanh Tâm	1964 (nam)	Gia Lai	TNLĐ	35%	1. CV 83/LĐLĐ Gia Lai (bản gốc) 2. CV 969/BHXXH Gia Lai trả lời không có tên trong DS bàn giao (gốc) 3. BB giám định thương tật (bản sao) 4. QĐ cấp sổ trợ cấp (bản sao) 5. Giấy Chứng nhận TNLĐ Số 31137 và Phiếu lĩnh trợ cấp (bản sao) 6. Xác minh TNLĐ của đơn vị cũ (bản gốc)	- Đề nghị làm rõ ông Tâm đã được hưởng trợ cấp TNLĐ chưa? thời điểm và lý do ngừng hưởng? - Đ/n xem xét giải quyết hưởng



42.	<u>Ngô Quang Hắt</u> (Ngô Quang Hát)	1948 (nam)	Điện Biên	TNLD	38%	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV 913/LĐLĐ Điện Biên (gốc)</li> <li>2. Đơn của NLĐ (gốc)</li> <li>3. Phiếu lĩnh trợ cấp TNLD (gốc)</li> <li>4. BB Điều tra TNLD năm 1999 (gốc)</li> <li>5. Phiếu cá nhân (gốc)</li> <li>6. CV đề nghị giải quyết TNLD số 242/TC ngày 28/9/1987 và CV số 140/TT ngày 25/5/1981 của Cty xây dựng Cầu đường thuộc Ty GT (gốc)</li> <li>7. CV 393/T/C-T: ngày 10/8/1982 của Cty xây dựng cầu đường đề nghị giải quyết MSLĐ (gốc)</li> <li>8. CV gửi BHXH đề nghị giám định thương tật (gốc)</li> <li>9. BB GĐYK 274 năm 2011 (photo)</li> <li>10. BB Phúc tra lại TNLD số 40/BB-CTCPCTGT ngày 05/2/2009 (gốc)</li> <li>11. CV 845/TLĐ ngày 02/6/2009 gửi BHVN</li> <li>12. CV 2265/BHXH ngày 13/7/2009 chờ BLĐ hẳn</li> </ol>	Hồ sơ đầy đủ, đề nghị giải quyết hưởng TNLD
43.	<u>Vũ Văn Hòa</u> (Vũ Văn Hóa)	1956 (nam)	Hà Nội	TNLD		<ol style="list-style-type: none"> <li>1. CV 578/CV-LĐLĐ Hà Nội (photo)</li> <li>2. Đơn của NLĐ (photo)</li> </ol>	Đề nghị làm rõ: ông Hòa đã

						<p>3. Quyết định 416 năm 1980 hưởng trợ cấp TNLĐ hàng tháng từ 01/6/1980, sổ thương tật số 4054 (photo)</p> <p>4. Giấy ra viện (photo)</p> <p>5. CV 436/TLĐ ngày 6/4/2012 gửi BHVN(gốc),</p> <p>6. CV 463/TLĐ ngày 10/4/2012 gửi BLĐ (gốc)</p> <p>7. CV1948/BHVN ngày 15/5/2012 của BHVN (gốc)</p> <p>8. CV2024/Bộ LĐTĐXH (gốc) trả lời phải xác minh đủ giấy tờ</p>	<p>được hưởng trợ cấp TNLĐ chưa? thời điểm, lý do ngừng hưởng?</p> <p>- Bổ sung hồ sơ và đề nghị giải quyết hưởng TNLĐ</p>
44.	Đặng Văn Tuấn	1938 (nam)	TT Huế	TNLĐ	43%	<p>1. CV 182, 149, 178 của LĐLĐ Huế (photo)</p> <p>2. CV 320 LĐLĐ Quảng Bình (photo)</p> <p>2. Đơn của NLĐ (gốc)</p> <p>3. QĐ 42BH/CD năm 1974 về việc cấp sổ thương tật mới số 0008070 (bản sao)</p> <p>4. Sổ trợ cấp thương tật 000870 (bản sao)</p> <p>5. CV 2920/BHVN trả lời chờ hd của Bộ LĐTĐXH (photo)</p> <p>6. CV302/BHXH-KT ngày 03/9/2009 BHXH Huế trả lời NLĐ là chờ hd của Bộ LĐ</p>	<p>- Thiếu BB Điều tra TNLĐ nhưng đã có Sổ trợ cấp Thương tật.</p> <p>- Đề nghị giải quyết hưởng TNLĐ</p>
45.	Lã Phú Luân	1944 (nam)	Hòa Bình	TNLĐ	Hạng 5	<p>1. CV893/LĐLĐ Hòa Bình gửi TLĐ ngày 01/11/2011(gốc)</p>	<p>-Đề nghị làm rõ ông Luân có</p>

						<p>2. CV307/LĐLĐ ngày 22/9/2009 gửi BHXH tỉnh HB (photo)</p> <p>2. Đơn xin nghỉ mất sức và đơn xin hưởng trợ cấp thương tật của NLĐ (photo)</p> <p>3. Sổ trợ cấp thương tật 001718 (photo)</p> <p>4. QĐ 04/GĐYK ngày 09/10/1968 của Hội đồng GĐYK (photo)</p>	<p>được giải quyết hưởng chế độ BHXH một lần hay trợ cấp MSLĐ một lần hoặc hàng tháng không?</p>
46.	<u>Nguyễn Trường Tư</u>	1958 (nam)	Nghệ An	TNLĐ	31%	<p>1. CV 375, 236 và 177/LĐLĐ Nghệ An (gốc)</p> <p>2. Giấy đề nghị xét hưởng trợ cấp TNLĐ (photo)</p> <p>3. BB Điều tra TNLĐ (bản sao)</p> <p>4. BB Giám định thương tật (bản sao)</p> <p>5. BB cơ quan xét hưởng TNLĐ (photo)</p> <p>6. Giấy xin hưởng trợ cấp TNLĐ 1983 có xác nhận của CĐCS (photo)</p> <p>7. CV 3037/BHVN trả lời không có QĐ hưởng và Sổ trợ cấp thương tật (Photo)</p> <p>8. CV 633 BH Nghệ an đã giải</p>	<p>Hồ sơ rất đầy đủ, CV 3037 BHVN trả lời không có QĐ và Sổ trợ cấp nhưng CV 633 của BHXH Nghệ An đã giải trình và bổ sung Sổ trợ cấp bản sao có chứng thực.</p>

						trình có trong DS bàn giao từ Sở sang BHXH tỉnh và đã bổ sung Sổ trợ cấp thương tật và có QĐ 40 ngày 3/11/1883 9. Sổ trợ cấp thương tật số 005460 (bản sao) 10. Phiếu Điều trị, phiếu mô, giấy ra viện (photo)	
47.	Nguyễn Tấn Thành	1953 (nam)	CĐ Cao su VN	TNLD	23%	1. Đơn xin trợ cấp (gốc) 2. Giấy chứng nhận thương tật số 52-91 năm 1987 (bản sao) 3. QĐ 83/QĐ.TCTT ngày 30/6/1988 của CĐ Cao su Việt Nam cấp giấy chứng nhận thương tật (bản sao)	Kiểm tra, xác minh làm rõ quá trình hưởng trợ cấp TNLD, thời điểm ngừng hưởng, lý do... - Bổ sung hồ sơ và đ/n xem xét giải quyết
48.	Lê Xuân An	1967 (nam)	CĐ Cao su VN	TNLD	21% Hạng 4	1. Danh sách CNVC bị TNLD do CĐ cao su lập ngày 05/9/2011 (photo) 2. Giấy Chứng nhận TTật số 5150 (photo) 3. BB giám định y khoa số 108/GĐYK ngày 2/4/1987 (photo)	Kiểm tra, xác minh làm rõ quá trình hưởng trợ cấp TNLD, thời điểm ngừng hưởng, lý do... (nếu chưa được hưởng thì lý do chưa được giải quyết hưởng) Bổ sung hồ sơ và đề nghị xem xét giải quyết



49.	Nguyễn Đức Tuyền	1960	Hà Giang	TNLĐ	Hạng 4	<p>1. CV 193/LĐLĐ Hà Giang ngày 21/11/2012 (gốc)</p> <p>2. Đơn đề nghị của NLĐ (photo)</p> <p>3. Đơn xin xác nhận TNLĐ của NLĐ có xác nhận của Cty Thương mại Tổng hợp Hà Giang (photo)</p> <p>4. Giấy Chứng nhận thương tật số 11-08 năm 1988 (photo)</p> <p>5. BB tai nạn do nổ mìn (photo)</p> <p>NLĐ khai chưa 1 lần nhận trợ cấp do mất phiếu lĩnh tiền trợ cấp</p>	<p>- Kiểm tra, xác minh làm rõ quá trình hưởng trợ cấp TNLĐ, thời điểm ngừng hưởng, lý do,.. (nếu chưa được hưởng thì lý do chưa được giải quyết hưởng)</p> <p>- Bổ sung hồ sơ và đ/n xem xét giải quyết</p>
50.	Hà Văn Nhuận	1936	Lạng Sơn	TNLĐ	50%	<p>1. CV 132/LĐLĐ ngày 14/6/2013 của Lạng Sơn (gốc)</p> <p>2. CV 328/BHXH Lạng Sơn gửi LĐLĐ tỉnh 15/5/2013 (photo)</p> <p>3. Sổ trợ cấp thương tật số 000015 (photo)</p> <p>4. BB Phúc tra TNLĐ của LĐLĐ Lạng Sơn 10/6/2013 (gốc)</p>	Hồ sơ bổ sung sau nên chưa xác định đang hưởng chế độ gì
51.	Nguyễn Thị Hồng Liên	1968	Hải Phòng	TNLĐ	21%	<p>1. CV 371/LĐLĐ Hải Phòng ngày 31/7/2013 (gốc)</p> <p>2. Đơn của NLĐ (photo)</p>	Hồ sơ đầy đủ nhưng bổ sung sau nên chưa thẩm định đang

						<p>3. Giấy chứng nhận TT số 03-187 và Phiếu lĩnh trợ cấp (photo)</p> <p>4. Quyết định 187/QĐ-CD ngày 30/5/1988 hưởng trợ cấp (photo)</p> <p>5. BB giám định thương tật số 91/GĐYK bgtà 26/8/1987 (photo)</p> <p>6. BB về việc TNGT (photo)</p> <p>7. Giấy đề nghị giải quyết TNLĐ có chứng thực của BCH CD (photo) và của LH Cty lương thực năm 1987 (photo)</p> <p>8. BB Điều tra TNLĐ 1987 (photo)</p>	<p>hưởng chế độ gì?</p>
52.	Nguyễn Thị Lan	1956	BRVT	TNLĐ	31%	<p>1. Đơn của NLĐ (gốc)</p> <p>2. CV 534/BHXX Quảng Ngãi gửi BHVN đề nghị xem xét giải quyết TNLĐ ngày 29/4/2014 (photo)</p> <p>3. CV 242/LĐLĐ Quảng Ngãi ngày 21/8/2014 gửi TLD(photo)</p> <p>4. CV 949/Sở LĐTĐ Quảng Ngãi (photo)</p> <p>5. QĐ 110/QĐ-BHXX ngày 03/1/1984 cấp sổ trợ cấp TNLĐ</p>	<p>Hồ sơ đầy đủ nhưng bổ sung sau nên chưa thẩm định đang hưởng chế độ gì</p>

						<p>số 008944 (bản sao)</p> <p>6. Giấy chứng nhận thương tật số 28-99(bản sao)</p> <p>7. BB giám định thương tật số 21 năm 1983 (bản sao)</p> <p>8. CV01/BHXH BRVT gửi BH Quảng Ngãi xác định bà Lan không có tên trong DS chi trả TNLĐ của BHXH BRVT (photo)</p>	
<b>IV. 7 trường hợp đã chết:</b>							
53.	Nguyễn Văn Đức (Nguyễn Minh Đức)	1949 (nam)	Lạng Sơn	TNLĐ	31%	<p>1. Đơn của NLĐ (photo)</p> <p>2. Sổ thương tật số 08/BHXH-CĐ (sau chuyển GCN thương tật số 1206) (photo)</p> <p>3. QĐ 08 ngày 15/3/1980 của LHCD Lạng Sơn về trợ cấp thương tật (photo)</p> <p>4. Trong BB bàn giao ngày 01/11/1995 giữa LĐLĐ và BHXH tỉnh có tên ông Đức.</p>	BHVN tìm thấy đối tượng Ng.V. Đức sinh năm 01/7/1949 địa chỉ: xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm-TPHN số sổ 1134850 hưởng hưu trí từ 10/1993, hiện đã chết.
54.	Nguyễn Trọng Minh	1938 (nam)	Lạng Sơn	TNLĐ	40% (35%)	<p>1. Đơn của NLĐ (photo)</p> <p>2. Sổ thương tật số 3997 năm 1990. (photo)</p> <p>3. CV11/BHXH 16/8/1973 của Liên hiệp công đoàn Lạng Sơn (photo)</p>	BHVN báo đã chết

						4. Phiếu điều chỉnh lương hưu (photo)	
55.	Nguyễn Xuân Vinh	1936 (nam)	Hà Tĩnh	TNLD	31%	1. Sổ thương tật số 001484 (photo) 2. Đơn của NLD có xác nhận UBND xã (photo) 3. QĐ số 176 của Lạng Sơn năm 1982 về trợ cấp TNLD (photo) 4. Bi ên bản TNLD lập lại năm 2008 (photo)	Mất ngày 6.11.2011
56.	Phạm Văn Âm	1956 (nam)	Q Trị, Bưu điện	TNLD	Tử vong	1. Đơn đề nghị của thân nhân NLD (bản sao) 2. CV 66/CĐBĐQT ngày 27/9/2011 của CĐ Bưu điện Quảng Trị (gốc) 3. BB khám nghiệm hiện trường TNGT năm 1994 (bản sao) 4. BB giải quyết TNGT (bản sao) 5. Giấy chứng tử (bản sao) 6. Tóm tắt thời gian công tác (bản sao) 7. QĐ số 13/BHXX năm 1994 của Sở LĐ Quảng Trị về trợ cấp Mai táng phí và tuất (bản sao)	Chết do TNLD năm 1994, đã được Sở LĐ Quảng trị giải quyết trợ cấp Tuất.



						8. QĐ 18/QĐ năm 1994 về giải quyết tuất hàng tháng (bản sao)	
57.	Lê Văn Nông	1958 (nam)	Q Trị, Bưu điện	TNLD	Tử vong	1. CV 962 ngày 24/11/2011 của CĐ Bưu điện Việt Nam (gốc) 2. BB Điều tra TNLD (bản sao) 3. Giấy chứng tử (bản sao) 4. Phiếu lập Sổ và trợ cấp tuất từ năm 1991 (bản sao)	Chết do TNLD thân nhân đã được giải quyết trợ cấp tuất
58.	Nguyễn Mạnh Hùng	1960 (nam)	Bưu điện	TNLD	Tử vong	1. CV 739 ngày 14/9/2011 của CĐ Bưu điện Thái Nguyên (gốc) 2. Giấy chứng tử (bản sao) 3. QĐ số 8/QĐ-BHXHTP ngày 10/12/2002 v/v trả tiếp trợ cấp tuất hàng tháng (bản sao)	Chết do TNLD thân nhân đã được giải quyết trợ cấp tuất
59.	Nguyễn Hữu Thọ	Không rõ	Đường Sắt	TNLD	Tử vong	1.CV 106 ngày 19/10/2011 của CĐ Toa xe khách HN (photo) 2.Đơn đề nghị của thân nhân NLĐ	Chết do TNLD thân nhân đã được giải quyết trợ cấp tuất
<b>V. Đối với 16 trường hợp bị TNLD trước 1995 nhưng chưa được giải quyết TNLD, BNN: Đề nghị tiếp tục xem xét giải quyết theo công văn số 843/BLĐ-TBXH</b>							
60.	Nguyễn Văn Lợi	1954 (nam)	Bưu điện	TNLD	Chưa GDYK khi bị TNLD	1. CV 962 ngày 24/11/2011 của CĐ Bưu điện VN (photo) 2. CV 3797 ngày 30/9/2011 của CĐ Bưu điện Lâm Đồng (gốc)	Năm 2009, đã giải quyết hưu trước tuổi do mất sức lao

						<p>3. Sơ yếu lý lịch (photo) + Bổ sung lý lịch CNVC (bản sao)</p> <p>4. BB Giám định khả năng lao động năm 2009 (photo)</p> <p>5. BB điều tra TNLĐ 2009 (bản sao)</p> <p>6. Bệnh án 1990 (bản sao)</p> <p>7. Đơn của NLĐ (gốc)</p>	<p>động 64%</p> <p>Xác minh vì sao năm 1990 không được giải quyết TNLĐ?</p>
61.	Trần Đăng Điều	1949 (nam)	Bưu điện	TNLĐ	Chưa GDYK khi bị TNLĐ	<p>1.CV 962 ngày 24/11/2011 của CĐ Bưu điện VN (gốc)</p> <p>2. CV 145 ngày 13/10/2011 của CĐ Viễn Thông Gia Lai (gốc)</p> <p>3. Quá trình đóng BHXH (photo)</p> <p>4. CV 81/TC/CB ngày 2/4/1981 của Bưu điện tỉnh Gia Lai – Kon Tum gửi Hội đồng giám định y khoa (photo)</p> <p>5. Biên bản điều tra TNLĐ số 41 ngày 02/1/ 1978 (photo)</p> <p>6. Đơn xin khám thương tật của NLĐ (photo)</p> <p>7. Phiếu mổ + Giấy ra viện</p>	<p>Nghỉ hưu từ 01/11/2009</p> <p>Xác minh vì sao năm 1978 không được giải quyết TNLĐ?</p>
62.	Trịnh Hồng Quân	1964 (nam)	(Tcty Sông Đà)	TNLĐ	Chưa GDYK	<p>1. CV 227/TLĐ ngày 20/2/2009 gửi BHVN xem xét giải quyết (gốc)</p>	<p>Năm 1994 bị TNLĐ nhưng chưa giải quyết</p>

						<p>2. CV 1400/BHXH Việt Nam ngày 19/5/2009 trả lời chờ hd của Bộ LĐTBXH (gốc)</p> <p>3. CV 619/CĐXD ngày 26/11/2008 gửi TNLĐ (gốc)</p> <p>4. CV 3122/LĐTBXH-BHXH ngày 03/9/2008 của BLĐ trả lời Bộ Xây dựng đã hết thời hạn giải quyết theo 843/BLĐ (photo)</p> <p>5. Có BB TNLĐ, Giấy chứng thương, giấy ra viện (photo)</p>	<p>hưởng. Đến 1996 xin giải quyết <b>nghị 176</b> chế độ hưu một lần</p>
63.	Nguyễn Đình Thành	1959 (nam)	Nghệ An	TNLĐ	61%	<p>1. CV 375/LĐLĐ Nghệ An ngày 04/11/2011 (photo)</p> <p>2. CV 560/BHXH ngày 09/11/2011 BHXH tỉnh gửi UBND tỉnh Nghệ An (photo)</p>	<p>Theo CV BHXH tỉnh Nghệ An, Hồ sơ ông Thành rất đầy đủ. Đề nghị xem xét giải quyết hưởng TNLĐ theo CV 843</p>
64.	Lê Công Đông	1963 (nam)	Đắk Lắk	TNLĐ	Chưa GĐYK	<p>1. CV 260/LĐLĐ Đắk Lắk ngày 18/11/2011 (gốc)</p> <p>2. Đơn của NLĐ (photo)</p> <p>3. QĐ cử đi học tập nghiệp vụ năm 1981 (photo)</p> <p>4. CV Bộ Văn hóa đề nghị giải</p>	<p>Đề nghị lập lại hồ sơ đầy đủ, giám định thương tật và giải quyết hưởng TNLĐ</p>

						<p>quyết chế độ của NN năm 1985 (photo)</p> <p>5. BB điều tra TNLD (photo)</p> <p>6. Giấy chứng nhận công tác (photo)</p> <p>7. Giấy ra viện (photo)</p>	
65.	A Chon	1955 (nam)	Kon Tum	TNLD	Chưa GDYK	<p>1. CV 103/LĐLĐ KonTum ngày 28/10/2011 (gốc)</p> <p>2. Đơn xin xác nhận bị TNLD của NIĐ có xác nhận của Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Gia Lai năm 2011 (photo)</p> <p>3. Giấy ra viện (photo)</p>	<p>Bị tại nạn năm 1987 nhưng cơ quan chưa làm thủ tục gì.</p> <p>Đề nghị bổ sung hồ sơ và xem xét giải quyết.</p>
66.	Nguyễn Văn Chín	1924 (nam)	Than KS	TNLD	Chưa GDYK	<p>1. Tờ trình 383/CĐ Than KS ngày 21/10/2011 về 5 trường hợp TNLD (gốc)</p> <p>2. CV 191/BC CĐ Cty Than Nam Mẫu ngày 10/10/2011 (gốc)</p> <p>3. BC TNLD số 869-MK/KTAT tháng 4/1987 của Mỏ than Mạo Khê (gốc)</p>	<p>Cả 5 trường hợp của CĐ Than KS do các đơn vị cũ không làm thủ tục giải quyết TNLD</p>
67.	Bùi Văn Vi	Không rõ	Than KS	TNLD	Chưa GDYK	<p>1. Tờ trình 383/CĐ Than KS ngày 21/10/2011 về 5 trường hợp TNLD (gốc)</p>	



						2. BB Tai nạn lao động 1991(bản sao)	
68.	Ma Quốc Thạch	Không rõ	Than KS	TNLD	Chưa GĐYK	1. Tờ trình 383/CĐ Than KS ngày 21/10/2011 về 5 trường hợp TNLD (gốc) 2. BB TNLD 1993 (bản sao) 3. Giấy ra viện (bản sao)	
69.	Trần Văn Duẩn	Không rõ	Than KS	TNLD	Chưa GĐYK	1. Tờ trình 383/CĐ Than KS ngày 21/10/2011 về 5 trường hợp TNLD (gốc) 2. BB TNLD 1993 (bản sao)	
70.	Phạm Bá Hoạch	1960 (nam)	Than KS	TNLD	Chưa GĐYK	1. Tờ trình 383/CĐ Than KS ngày 21/10/2011 về 5 trường hợp TNLD (gốc) 2. BB Tai nạn lao động 1993 (bản sao) 2. Giấy chứng thương của GD Bệnh viện và Giấy ra viện (bản sao)	
71.	Dương Xuân Dục	1952 (nam)	Viên chức	TNLD	Chưa GĐYK	1. CV 3121/CV CĐ Viên chức Việt Nam 24/10/2011 (gốc) 2. Đơn của NLĐ (photo) 3. Giấy chứng nhận bị tai nạn khi làm nhiệm vụ số 251/BT của Bảo tàng Hồ Chí Minh ngày 16/11/1994 (photo)	Vì lý do quân sự, bí mật chưa được giải quyết TNLD. Đề nghị xác minh bổ sung hồ sơ đề nghị hưởng TNLD

72.	Bùi Xuân Quyền	1950 (nam)	Hải Phòng	TNLD	Chưa GĐYK	<p>1. Đơn của NLĐ (gốc)</p> <p>2. CV 55/BLĐT BXH ngày 18/4/2013 của BLĐ gửi Sở LĐ Hải Phòng xem xét giải quyết TNLD (photo)</p> <p>3. CV 278/Thanh tra Bộ ngày 26/6/2013 đôn đốc Sở LĐ Hải Phòng (photo)</p> <p>4. CV 734/SLĐT BXH ngày 25/6/2013 Sở LĐ Hải Phòng gửi Bộ LĐ đề nghị giải quyết theo CV 1319 của TLD (photo)</p> <p>5. CV372 BHHH tỉnh gửi NLĐ (photo)</p> <p>6. CV 22/CV-TH của cty Cổ phần Container VN gửi BHHH Hải Phòng ngày 26/2/2013</p> <p>7. CV số 24 và 25/CV-TH ngày 13/3/2013 giải trình vụ việc ông Quyền (photo)</p>	<p>Do có mẫu thuẫn với công ty nên chưa được giải quyết TNLD.</p> <p>Nay ông Quyền và công ty đã giải quyết theo Quyết định của Tòa án NDTC số 250/TANDTC-LĐ ngày 30/11/2011,</p> <p>Đề nghị BHHH tỉnh hướng dẫn đi giám định và bổ sung hồ sơ giải quyết hưởng TNLD.</p>
73.	Mạc Thanh Hóa	1952 (nam)	Cao Bằng	TNLD	45%	<p>1. CV809 Sở NN và PTNT ngày 17/12/2003 (photo)</p> <p>2. BB 17/GĐYK ngày 4/12/2003 (photo)</p> <p>3. BB hợp liên ngành xét giải quyết TNLD (photo) theo QĐ 557/QĐ năm 2000 của Sở NN và</p>	<p>Vụ BHHH Bộ LĐ trả lời là trường hợp xảy ra đã quá lâu, hồ sơ không đầy đủ, không có hồ sơ gốc nên không đủ</p>

						<p>PTNT v/v thành lập đoàn thanh tra (photo)</p> <p>4. Đơn của NLD (photo)</p> <p>5. BC kết quả xác minh TNLD của Sở NN&amp;PTNT (photo)</p> <p>6. CV 848 Sở LĐ Cao Bằng ngày 20/8/2007 (photo)</p> <p>7. Bị TNLD năm 1983 . Năm 1990 thôi việc hưởng trợ cấp 1 lần. Năm 2003, Sở NNPTNN giới thiệu đi giám định thương tật 45%.</p>	<p>cơ sở để giải quyết</p> <p>Đề nghị bổ sung hồ sơ và xem xét giải quyết.</p>
74.	Nguyễn Thị Nguyệt	Nữ	Tuyên Quang	TNLD	Chưa GĐYK	<p>1.CV 359/LĐLĐ Tuyên Quang ngày 08/4/2010 (gốc)</p> <p>2. Đơn của NLD (gốc)</p> <p>3. Đơn đề nghị xác minh TNLD (gốc)</p> <p>4. BB Điều tra TNLD ngày 25/12/1982 (bản sao)</p> <p>5. BB 241/AT-TSD ngày 13/11/1998 (gốc) Xi nghiệp đã tổ chức điều tra lại TNLD (gốc)</p> <p>6. BB Phúc tra TNLD ngày 25/2/2005 do LĐLĐ tỉnh lập lại (gốc)</p>	<p>- Năm 2005, LĐLĐ Tuyên Quang và huyện Sơn Dương đã tổ chức phúc tra TNLD đề nghị xem xét giải quyết.</p>

75.	Mai Văn Toàn	1966 (Nam)	Bộ LĐ gửi	TNLD	Chưa GDYK	<p>1. CV382/Cục An toàn Lao động Bộ LĐ ngày 12/9/2012 (gốc).</p> <p>2. Phiếu chuyển đơn số 223/PC-TTr ngày 29/8/2012 (gốc)</p> <p>3. Thư hỏi của NLĐ</p>	<p>Chưa được đơn vị xác nhận là TNLD</p> <p>Đề nghị Bộ LĐ trả lời.</p>
-----	--------------	---------------	--------------	------	--------------	--	--

0